

UBND TỈNH NINH THUẬN  
CÔNG TY TNHH MTV  
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH  
THỦY LỢI NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53/QĐ-CT

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 7 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc Phê duyệt Điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu  
Tại kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty TNHH MTV  
Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN  
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Căn cứ Quyết định số: 70/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số: 2388/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Bổ nhiệm Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ Tờ trình số 98/TTr-KTTL ngày 10/6/2016 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2016;

Căn cứ công văn số 1825/STC-TCDN ngày 17/6/2016 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc Điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;


Căn cứ công văn số 2540/UBND-TH ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

**QUYẾT ĐỊNH:**

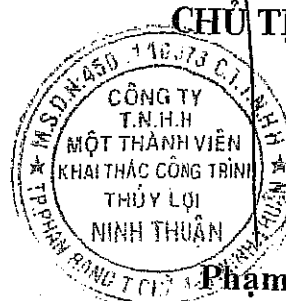
**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

*(Có hồ sơ kế hoạch tài chính năm 2016 điều chỉnh kèm theo)*


**Điều 2.** Các Ông (Bà) Ban Giám đốc; Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kinh tế - Kế hoạch; Trưởng các Phòng, Ban, Trạm thủy nông thuộc Công ty và Ông (Bà) có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở Tài chính tỉnh;
- BCD Đổi mới và PTDN tỉnh;
- Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh;
- Chủ tịch Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Như Điều 2;
- Lưu: HC.



**CHỦ TỊCH CÔNG TY**

  
**Phạm Văn Hương**



**KẾ HOẠCH TƯỚI, TIÊU, CẤP NƯỚC, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH CỦA CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN  
Năm 2016**

Kèm theo Quyết định số 53 ngày 04/7/2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Kế hoạch 2016 (điều chỉnh)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kế hoạch cấp nước, tưới, tiêu nước</b>	<b>Ha</b>				-
1	Khối lượng cấp nước	m3	14.033.164	16.022.188	16.022.188	
2	Diện tích tưới nước	Ha	61.393,79	70.645,49	67.131,51	
	Trong đó:					
	- Diện tích miễn thu TLP	Ha	60.800,39	70.150,89	66.636,91	
	- Diện tích phải thu TLP	Ha	593,40	494,60	494,60	
3	Diện tích tiêu nước	Ha				
4	Diện tích tưới tiêu kết hợp	Ha				
5	Diện tích khác	Ha				
<b>II</b>	<b>Kế hoạch doanh thu</b>		<b>69.056.733</b>	<b>73.318.000</b>	<b>69.271.000</b>	-
1	Cấp bù do miễn thu thủy lợi phí	1.000đ	47.996.239	56.746.000	52.699.000	
2	Thu TLP của các đối tượng không miễn thu thủy lợi phí	1.000đ	406.949	340.000	340.000	
3	Thu trợ cấp, trợ giá ...					
4	Thu kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000đ	12.027.606	13.732.000	13.732.000	
5	Thu khác	1.000đ	8.625.939	2.500.000	2.500.000	
<b>III</b>	<b>Kế hoạch chi</b>	<b>1.000đ</b>	<b>63.168.817</b>	<b>69.710.000</b>	<b>66.040.000</b>	-
1	Chi cho hoạt động khai thác công trình thủy lợi	1.000đ	45.785.580	55.387.000	51.664.000	
	Trong đó: Chi duy tu bảo dưỡng thường xuyên	1.000đ	26.850.913	31.000.000	30.100.000	
2	Chi kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000đ	17.357.969	13.323.000	13.376.000	
3	Chi Khác	1.000đ	25.268	1.000.000	1.000.000	
<b>IV</b>	<b>Cân đối thu chi lãi (lỗ)</b>	<b>1.000đ</b>	<b>5.887.916</b>	<b>3.608.000</b>	<b>3.231.000</b>	-
1	Lãi (lỗ) KTCTTL	1.000đ	2.617.608	1.699.000	1.375.000	-
2	Lãi (lỗ) kinh doanh tổng hợp	1.000đ	3.270.308	1.909.000	1.856.000	-
<b>V</b>	<b>Chi đầu tư, sửa chữa c.trình thủy lợi:</b>	<b>1.000đ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	-
	Trong đó:					
	Chi phí sửa chữa lớn từ nguồn thu của công ty	1.000đ				
	Chi SCL đề nghị ngân sách cấp	1.000đ				
<b>VI</b>	<b>Kế hoạch ngân sách hỗ trợ</b>	<b>1.000đ</b>				
1	<b>Nội dung hỗ trợ</b>	<b>1.000đ</b>	<b>47.996.239</b>	<b>56.746.000</b>	<b>52.699.000</b>	-
1,1	Cấp bù do miễn thu thủy lợi phí	1.000đ	47.996.239	56.746.000	52.699.000	
1,2	Cấp kinh phí trợ cấp, trợ giá ...	1.000đ				
1,3	Cấp 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.000đ				
1,4	Cấp đầu tư, sửa chữa lớn	1.000đ				
1,5	Cấp khoản hỗ trợ khác	1.000đ				
2	<b>Nguồn hỗ trợ</b>	<b>1.000đ</b>				
2,1	Ngân sách Trung ương	1.000đ	47.996.239	56.746.000	52.699.000	
2,2	Ngân sách địa phương	1.000đ				
<b>VII</b>	<b>Kế hoạch nộp Ngân sách</b>	<b>1.000đ</b>	<b>2.146.166</b>	<b>1.381.000</b>	<b>1.369.000</b>	
1	Nộp tiền thuê đất	1.000đ	77.720	77.720	77.720	
2	Nộp thuế GTGT	1.000đ	878.621	727.000	727.000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Kế hoạch 2016 (điều chỉnh)	Ghi chú
3	Nộp khác	1.000đ	1.189.825	576.280	564.280	-
<b>VIII</b>	<b>Kế hoạch lao động tiền lương</b>	<b>1.000đ</b>				
1	Số lao động		241	270	270	
2	Quỹ tiền lương	1.000đ	14.659.648	20.860.000	18.450.000	

Người lập



Võ Phạm Bảo Thu

Kế toán trưởng



Lê Phước



Giám đốc

Phạm Văn Hường

**PHỤ LỤC 1A**  
**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016**

Kèm theo Quyết định số 53 ngày 04/7/2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2105	Năm 2016		So sánh ĐC/KH
				Kế hoạch	Điều chỉnh kế hoạch	
<b>A- CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH</b>						
<b>I- Sản lượng</b>						
1. Sản lượng sản xuất chủ yếu						
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước						
- Diện tích tưới		ha	64.393,79	70.645,49	67.131,51	95%
- Khối lượng nước cung cấp		m3	14.033.164	16.022.188	16.022.188	100%
b) Sản phẩm xuất khẩu						
2. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ						
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước						
- Diện tích tưới		ha	64.393,79	70.645,49	67.131,51	95%
- Khối lượng nước cung cấp		m3	14.033.164	16.022.188	16.022.188	100%
b) Các sản phẩm xuất khẩu						
3. Giá thành đơn vị SP chủ yếu						
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước						
Diện tích tưới(trọng lực đồng bằng)		đ/ha	986.000	986.000	986.000	100%
Diện tích tưới(đồng lực đồng bằng)		đ/ha	1.409.000	1.409.000	1.409.000	100%
Diện tích tưới(trọng lực miền núi)		đ/ha	1.267.000	1.267.000	1.267.000	100%
Diện tích tưới(đồng lực miền núi)		đ/ha	1.811.000	1.811.000	1.811.000	100%
b) Các sản phẩm xuất khẩu						
4. Giá bán các sản phẩm chủ yếu						
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước						
Diện tích tưới(trọng lực đồng bằng)		đ/ha	986.000	986.000	986.000	100%
Diện tích tưới(đồng lực đồng bằng)		đ/ha	1.409.000	1.409.000	1.409.000	100%
Diện tích tưới(trọng lực miền núi)		đ/ha	1.267.000	1.267.000	1.267.000	100%
Diện tích tưới(đồng lực miền núi)		đ/ha	1.811.000	1.811.000	1.811.000	100%
b) Sản phẩm xuất khẩu						
<b>II. Kết quả kinh doanh</b>						
1. Tổng doanh thu	10	triệu đồng	69.056	73.318	69.271	94%
a. Doanh thu thuần	10.1	triệu đồng	66.113	70.818	66.771	94%
b. Doanh thu hoạt động tài chính	10.2	triệu đồng	1.514	1.500	1.500	100%
c. Doanh thu khác	10.3	triệu đồng	1.429	1.000	1.000	100%
2. Lãi phát sinh	20					
a. Trước thuế TNDN	20.1	triệu đồng	5.887	3.608	3.231	90%
b. Sau thuế TNDN	20.2	triệu đồng	5.112	3.188	2.823	89%
3. Lỗ phát sinh	30	triệu đồng				
4. Lỗ lũy kế	40	triệu đồng				
<b>III. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN</b>						
	100					

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016		So sánh ĐC/KH
				Kế hoạch	Điều chỉnh kế hoạch	
1. Từ hoạt động KD nội địa	110	triệu đồng	2.172	1.381	1.369	99%
a. Thuế GTGT	111	triệu đồng	1.023	727	727	100%
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	112	triệu đồng				
c. Thuế TNDN	113	triệu đồng	775	420	408	97%
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	114	triệu đồng	374	234	234	100%
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	120	triệu đồng				
a. Thuế XNK	121	triệu đồng				
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	122	triệu đồng				
c. Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	123	triệu đồng				
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	124	triệu đồng				
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	130	triệu đồng				
<b>IV. Thuế và các khoản nộp đã NSNN</b>	<b>200</b>	triệu đồng				
1. Từ hoạt động KD nội địa	210	triệu đồng	2.146			
a. Thuế GTGT	211	triệu đồng	878			
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	212	triệu đồng				
c. Thuế TNDN	213	triệu đồng	900			
Trong đó: số nộp cho phát sinh năm trước	214	triệu đồng				
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	215	triệu đồng	368			
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	220	triệu đồng				
a. Thuế XNK	221	triệu đồng				
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	222	triệu đồng				
c. Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	223	triệu đồng				
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	224	triệu đồng				
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	230	triệu đồng				
<b>V. Nợ thuế</b>	<b>300</b>	triệu đồng				
1. Nợ thuế từ hoạt động KD nội địa	310	triệu đồng				
a. Thuế GTGT	311	triệu đồng				
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	312	triệu đồng				
c. Thuế TNDN	313	triệu đồng				
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	314	triệu đồng				
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	320	triệu đồng				
a. Thuế XNK	321	triệu đồng				
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	322	triệu đồng				
c. Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	323	triệu đồng				
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	324	triệu đồng				
<b>VI. Các khoản chi NSNN</b>	<b>400</b>					
1. Chi sự nghiệp	410	triệu đồng				
a. Chi đào tạo	411	triệu đồng				
b. Chi SN y tế, DS và KHHGD	412	triệu đồng				
c. Chi sự nghiệp kinh tế	413	triệu đồng				
d. Chi nghiên cứu khoa học	414	triệu đồng				
2. Chi bổ sung vốn điều lệ	420	triệu đồng				
3. Chi đầu tư xây dựng	430	triệu đồng				
4. Chi trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính	440	triệu đồng				
5. Các khoản chi khác	450	triệu đồng				
<b>B- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>						

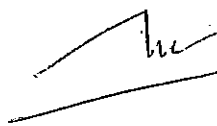
Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2105	Năm 2016		So sánh ĐC/KH
				Kế hoạch	Điều chỉnh kế hoạch	
1. Tổng tài sản		triệu đồng	1.751.512	x		
2. Vốn chủ sở hữu		triệu đồng	1.751.512	x		
3. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		triệu đồng	1.729.875	x		
4. Quỹ Đầu tư phát triển		triệu đồng		x		
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB		triệu đồng	31	x		
6. Nguồn vốn khác của chủ sở hữu		triệu đồng		x		
7. Vốn điều lệ được phê duyệt		triệu đồng		x		
8. Nguồn bổ sung vốn điều lệ		triệu đồng		x		
9. Quỹ Đầu tư phát triển		triệu đồng		x		
10. Nguồn bổ sung khác		triệu đồng		x		
<b>C- HUY ĐỘNG VỐN</b>						
1. Tổng mức huy động		triệu đồng		x		
2. Phát hành trái phiếu		triệu đồng		x		
a) Trong nước		triệu đồng		x		
b) Ngoài nước		triệu đồng		x		
3. Vay các tổ chức tín dụng		triệu đồng		x		
a) Trong nước		triệu đồng		x		
b) Ngoài nước		triệu đồng		x		
4. Huy động khác		triệu đồng		x		
5. Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu		triệu đồng		x		
<b>D- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>						
1. Lợi nhuận thực hiện		triệu đồng	5.887	x		
2. Trích quỹ phát triển khoa học & công nghệ		triệu đồng		x		
3. Bù lỗ các năm trước (nếu có)		triệu đồng		x		
4. Thuế TNDN phải nộp		triệu đồng	775	x		
5. Lợi nhuận còn lại		triệu đồng	5.112	x		
6. Trích quỹ đặc thù		triệu đồng		x		
7. Tính 25,61% quỹ đầu tư phát triển		triệu đồng	1.309	x		
8. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		triệu đồng	3.665	x		
9. Quỹ thưởng Người quản lý DN		triệu đồng	138	x		
10. Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ		triệu đồng	-	x		

Người lập

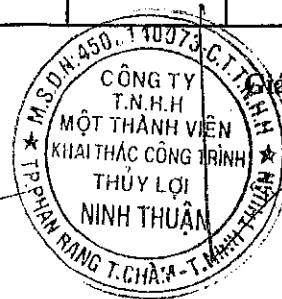


Võ Phạm Bảo Thu

Kế toán trưởng



Lê Phước



Trám đốc

Phạm Văn Hùng





Ngày ký: 10/6/2016, tại Thủ Đức  
Số: 2540

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2540/UBND-TH

Ninh Thuận, ngày 29 tháng 6 năm 2016

V/v điều chỉnh kế hoạch tài  
chính năm 2016 của Cty  
TNHH MTV Khai thác công

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
866
Ngày: 29/6/2016
Chuyên: .....
Lưu: 95 số: .....

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi.

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản số 1825/STC-TCDN ngày 17/6/2016 về việc điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi theo đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản số 1825/STC-TCDN ngày 17/6/2016.

Yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi triển khai thực hiện kế hoạch tài chính năm 2016 được điều chỉnh theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi theo đúng quy định; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TB&XH,
- VPUB: CVP, PVP (LTD);
- Lưu: VT, TH.
- LTP.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu



UBND TỈNH NINH THUẬN  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 125/STC-TCDN

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 6 năm 2016

Về việc điều chỉnh kế hoạch tài  
chính năm 2016 của Công ty

CÔNG TY TNHH MTV Khai thác công  
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI Ninh Thuận.

817  
Ngày: 21/6/16  
Chuyên:  
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Tiếp nhận Tờ trình số 98/TTr-CT ngày 10/6/2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc đề nghị thống nhất phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2016.

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; và Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về việc giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác các công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt điều chỉnh diện tích miễn thủy lợi phí kế hoạch năm 2016 và biện pháp tưới, tiêu theo từng diện tích nước, tiêu nước miễn thủy lợi phí do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí năm 2016.

Sở Tài chính có ý kiến trình Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

Kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tại văn bản số 3451/UBND-TH ngày 01 tháng 9 năm 2015.

- Chỉ tiêu sản lượng (diện tích tưới): 70.645 ha/năm
- Chỉ tiêu về tài chính:
  - + Doanh thu và thu nhập khác: 73.318 triệu đồng.
  - + Tổng chi phí: 69.710 triệu đồng.
- Lợi nhuận: 3.608 triệu đồng.
- Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước: 1.381 triệu đồng.

Tuy nhiên, tại tờ trình số 98/TTr-CT ngày 10/6/2016 của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi đề nghị điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2016, do Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh diện tích miễn thủy lợi phí kế hoạch năm 2016 và biện pháp tưới, tiêu theo từng diện tích nước, tiêu nước miễn thủy lợi phí do Công ty quản lý tại Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 20/5/2016; Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 về điều chỉnh dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí năm 2016.

Để kế hoạch tài chính năm 2016 phù hợp với diện tích điều chỉnh miễn thủy lợi phí kế hoạch năm 2016 và biện pháp tưới, tiêu theo từng diện tích nước, tiêu nước miễn thủy lợi phí do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi quản lý;

Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng ý điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Chỉ tiêu sản lượng (diện tích tưới): 67.131,51 ha/năm
- Trong đó: + Diện tích miễn TLP: 66.636,91 ha/năm
- + Diện tích phải thu TLP: 494,60 ha/năm
- Chỉ tiêu về tài chính:
  - + Doanh thu và thu nhập khác: 69.271 triệu đồng.
  - + Tổng chi phí: 66.040 triệu đồng.
- Lợi nhuận: 3.231 triệu đồng.
- Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước: 1.369 triệu đồng.

Kế hoạch tài chính sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý, Chủ tịch Công ty quyết định phê duyệt là cơ sở để Sở Tài chính giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm 2016.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng ý điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2016 để Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận triển khai thực hiện./

(Đính kèm TT số 98/TTr-CT ngày 10/6/2015; QĐ 1243/QĐ-UBND ngày 20/5/2016; QĐ số 1422/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của UBND tỉnh và các VB liên quan)

Nơi nhận:

- Như trên;
- C.ty TNHH MTV.KTCTTL(để biết);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT,TCDN.LTHL



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trường